

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thẩm.

2. Bà Cao Thị Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho không tham gia phiên tòa.**

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà S – số A, Phường B, Quận H, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ miền nam – TT quản lý nợ NHBL1, Khối ngân hàng bán lẻ.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số Q Phường G, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Văn T – chức vụ: Cán bộ ngân hàng.

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số Q Phường G, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

* **Bị đơn:** Bà Đào Thị An B, sinh năm: 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số T, đường D, Phường S, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện 14/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

- Ngày 27/8/2020 Ngân hàng TMCP Q ký với bà Đào Thị An B hợp đồng tín dụng số 9530058.20 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 935.000.000 đồng.

Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA;

Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 28/8/2020 đến ngày 27/8/2027;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.9%/năm;

Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 01 số tiền 11.140.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng trả vào ngày 01 kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/10/2020;

Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà B theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9530058 (1).20 ngày 27/8/2020 với số tiền 935.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Ngày 07/12/2020 Ngân hàng TMCP Q ký tiếp với bà Đào Thị An B hợp đồng tín dụng số 1952949.20 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 295.000.000 đồng.

Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA;

Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 09/12/2020 đến ngày 08/12/2027;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8.9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm;

Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 10 số 3.500.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng trả vào ngày 10, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 10/01/2021;

Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà B theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1952949(1).20 ngày 08/12/2020 với số tiền 295.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Ngày 14/01/2021 Ngân hàng TMCP Q ký tiếp với bà Đào Thị An B hợp đồng tín dụng số 3288505.21 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 421.000.000 đồng.

Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA;

Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 16/01/2021 đến ngày 15/01/2028;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm;

Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 25 số 5.000.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng trả vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/02/2021;

Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà B theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3288505(1).21 ngày 15/01/2021 với số tiền 421.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

- Ngày 07/12/2020 khách hàng Đào Thị An B có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Đào Thị An B với hạn mức tín dụng là: 102.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Happy Drive, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 10/01/2022, bà B đã thanh toán cho VIB số tiền là 329.542.061 đồng (trong đó nợ gốc là 205.260.539 đồng, lãi là 124.281.522 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị An Bình trả số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2022 là 1.377.289.059 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/11/2022 cho đến khi bà Đào Thị An Bình thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

* Bị đơn bà Đào Thị An B đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng VIB yêu cầu bà B trả số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2023 là 1.508.729.913 đồng, trong đó gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020: Nợ gốc 801.239.461, lãi trong hạn 8.232.742 đồng, lãi quá hạn 247.632.248 đồng. Tổng 1.057.104.450 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1952949.20 ngày 07/12/2020: Nợ gốc 183.179.000, lãi trong hạn 1.991.772 đồng, lãi quá hạn 60.813.520 đồng. Tổng 245.984.292 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 3288505.21 ngày 14/01/2021: Nợ gốc 0, lãi trong hạn 2.849.671 đồng, lãi quá hạn 26.804.590 đồng. Tổng 29.654.261 đồng.

- Thẻ tín dụng: Nợ gốc 97.632.621 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 78.354.289 đồng. Tổng 175.986.910 đồng.

Đề nghị bà B tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng TMCP Q căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020; 1952949.20 ngày 07/12/2020; 3288505.21 ngày 14/01/2021 và Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản để khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị An B trả số tiền 1.508.729.913 đồng (tính đến ngày 24/4/2023). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Đào Thị An B có hộ khẩu thường trú tại số T, đường D, Phường S, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng, bà B thể hiện nơi cư trú tại số T, đường D, Phường S, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang, khi Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng được biết bà B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng nhà. Như vậy sau khi xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VIB cho đến nay, bà B không thông báo cho Ngân hàng VIB biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do vậy, trường hợp của bà B được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đối với bà B đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà B.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:* Xét Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020; số 1952949.20 ngày 07/12/2020; số 3288505.21 ngày 14/01/2021 và Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) – VIB Hùng Vương với bà Đào Thị An B là hợp đồng tín dụng có kỳ hạn, nội dung hợp đồng thể hiện bà B vay nhiều khoản tiền của ngân hàng VIB để mua xe ô tô và tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày ngày 24/4/2023, bà B còn thiếu lại ngân hàng VIB số tiền là 1.508.729.913 đồng, trong đó gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020: Nợ gốc 801.239.461, lãi trong hạn 8.232.742 đồng, lãi quá hạn 247.632.248 đồng. Tổng 1.057.104.450 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1952949.20 ngày 07/12/2020: Nợ gốc 183.179.000, lãi trong hạn 1.991.772 đồng, lãi quá hạn 60.813.520 đồng. Tổng 245.984.292 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 3288505.21 ngày 14/01/2021: Nợ gốc 0, lãi trong hạn 2.849.671 đồng, lãi quá hạn 26.804.590 đồng. Tổng 29.654.261 đồng.

- Thẻ tín dụng: Nợ gốc 97.632.621 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 78.354.289 đồng. Tổng 175.986.910 đồng.

Kể từ ngày quá hạn trả lãi và quá hạn trả tiền gốc, Ngân hàng có nhiều lần đốc thúc bà B trả tiền, nhưng bà B không thực hiện mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy việc bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản, trả đủ tiền khi đến hạn của từng lần thanh toán, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà B phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà B không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020; số 1952949.20 ngày 07/12/2020; số 3288505.21 ngày 14/01/2021 và Thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Đào Thị An B; Sao kê lịch trả nợ; Báo cáo chi tiết nợ quá hạn của Ngân hàng có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] *Về án phí*: Bà Đào Thị An B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147, 227, 228, 244, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bà Đào Thị An B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 1.508.729.913 đồng, trong đó bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 9530058.20 ngày 27/8/2020: Nợ gốc 801.239.461, lãi trong hạn 8.232.742 đồng, lãi quá hạn 247.632.248 đồng. Tổng 1.057.104.450 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1952949.20 ngày 07/12/2020: Nợ gốc 183.179.000, lãi trong hạn 1.991.772 đồng, lãi quá hạn 60.813.520 đồng. Tổng 245.984.292 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 3288505.21 ngày 14/01/2021: Nợ gốc 0, lãi trong hạn 2.849.671 đồng, lãi quá hạn 26.804.590 đồng. Tổng 29.654.261 đồng.

- Thẻ tín dụng: Nợ gốc 97.632.621 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 78.354.289 đồng. Tổng 175.986.910 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đào Thị An B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã nêu cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Đào Thị An B phải nộp 57.262.000 đồng (*năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.660.000 đồng (*hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0023086 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị An B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thúy Hằng

